

## Di sản thời kỳ Việt Nam Cộng hòa trong hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Hoa Kỳ (1995-2016)\*

Nguyễn Thị Huyền Thảo\*\*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 24/9/2019, ngày gửi phản biện: 10/12/2019, ngày duyệt đăng: 10/01/2020

**N**ghiên cứu về quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, không thể không nhắc đến quan hệ của Hoa Kỳ với Việt Nam thời kỳ trước năm 1975. Một trong những di sản mà chế độ Việt Nam Cộng hòa để lại trong hợp tác giáo dục đại học với Hoa Kỳ là tư cách thành viên trong các tổ chức quốc tế. Trong hợp tác giáo dục với Hoa Kỳ, Việt Nam không chỉ hợp tác trực tiếp với Chính phủ mà còn gián tiếp thông qua các tổ chức quốc tế do Hoa Kỳ thành lập. Đây là điều mà nhiều công trình nghiên cứu chưa đề cập đến. Bài viết làm rõ di sản do chế độ Việt Nam Cộng hòa để lại trong hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn 1995-2016.

Từ khóa: Việt Nam Cộng hòa, di sản, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, hợp tác giáo dục

### Mở đầu

Trong bối cảnh quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ có nhiều phát triển kể từ sau bình thường hóa quan hệ (1995) đến nay, những giá trị, di sản của Việt Nam Cộng hòa trong việc tạo cầu nối cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ cần được nghiên cứu và ghi nhận. Hiện nay, nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ được tiếp cận ở nhiều lĩnh vực như kinh tế, xã hội, luật pháp và giáo dục. Tuy nhiên, việc nghiên cứu di sản Việt Nam Cộng hòa trong hợp tác giáo dục đại học Hoa Kỳ - Việt Nam còn hạn chế. Vì thế, bài viết làm rõ di sản của thời kỳ Việt Nam Cộng hòa trong hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Hoa Kỳ (1995-2016) nhằm bổ sung tài liệu còn khuyết trên lĩnh vực hợp tác giáo dục giữa hai quốc gia.

### 1. Sự hỗ trợ giáo dục của Hoa Kỳ cho chính quyền miền Nam Việt Nam

Sau Hiệp định Genève (tháng 7/1954), dưới sự bảo trợ của Hoa Kỳ để đưa Ngô Đình Diệm lên nắm quyền, Tổng thống Hoa Kỳ Eisenhower cử Tướng J. L. Collins, nguyên Tổng Tham mưu Lục quân Hoa Kỳ sang Sài Gòn làm Đại sứ. Ông đã lên kế hoạch gồm 6 điểm, trong đó có điểm đáng lưu ý là việc đào tạo cán bộ cho Chính quyền Diệm (Trần Đức Cường, 2014, pp.165-166).

\* Bài viết thể hiện quan điểm cá nhân của tác giả.

\*\* [huyenthaols@gmail.com](mailto:huyenthaols@gmail.com)

Năm 1954-1955, việc viện trợ cho Chính quyền Sài Gòn chủ yếu được Hoa Kỳ thực hiện thông qua viện trợ thương mại (United States Agency for International Development, 1975, B3). Năm 1955, trong số 320 triệu USD dành cho Việt Nam Cộng hòa, có 75% dành cho hoạt động quân sự, 18% cho đi lại, 9% cho kỹ thuật và kinh tế (United States Agency for International Development, 1975, B5). Năm 1955, Chính phủ Hoa Kỳ đã chi thị cho trường Đại học Chính trị Michigan cử một phái bộ gồm 54 cố vấn sang giúp Ngô Đình Diệm trong việc tạo nên một chế độ độc lập với tên gọi là Việt Nam Cộng hòa, có quốc hội, chính quyền và quân đội riêng (Phạm Thị Hồng Hà, 2017, tr.31).

Trong giai đoạn 1954-1960, Hoa Kỳ đã xây dựng nền giáo dục theo “kiểu Mỹ” ở miền Nam Việt Nam. Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) khẳng định mục tiêu của Hoa Kỳ trong việc tổ chức giáo dục ở miền Nam là giúp Chính quyền miền Nam Việt Nam cải tổ bộ máy giáo dục, loại bỏ những ảnh hưởng của nền giáo dục Pháp, xây dựng nền giáo dục kiểu Mỹ. Tham vọng của Hoa Kỳ và Chính quyền miền Nam Việt Nam đặt ra cho nền giáo dục là “*Vũ trang cho thanh niên một tinh thần quốc gia mãnh liệt, một ý chí bền bỉ đấu tranh cho tự do dân chủ*” (Nguyễn Minh San, 2009, tr.258). Ngoài ra, cơ quan này còn thành lập văn phòng riêng để thực thi kế hoạch “*Hoa Kỳ hóa*” nền giáo dục miền Nam. Hoa Kỳ đầu tư cho giáo dục dưới mọi hình thức như viện trợ và cố vấn giáo dục cho Chính quyền miền Nam. Các cố vấn giáo dục Hoa Kỳ trực tiếp điều tra, nghiên cứu tình hình, đề ra các đường lối, chính sách, kế hoạch giáo dục và đúc kết dưới các dạng dự án giáo dục, chương trình giáo dục. Các dự án này được công khai và hợp thức hóa qua các hội nghị giáo dục hoặc công bố trước hai viện Quốc hội Việt Nam Cộng hòa. Nhiều tổ chức truyền bá văn hóa Mỹ được thành lập ở miền Nam như Hội Việt - Mỹ (năm 1955), Hội Văn hóa châu Á (năm 1957). Bên cạnh đó, Hoa Kỳ tổ chức các lớp huấn luyện chuyên tu cho giáo chức, học sinh, sinh viên; tài trợ xây dựng Học viện Quốc gia Hành chính. Hoa Kỳ đã cử phái bộ Michigan sang miền Nam với nhiệm vụ đào tạo cán bộ khung giáo dục; nghiên cứu tình hình miền Nam, tài trợ cải cách giáo dục và chuẩn bị cho cách mạng giáo dục. Năm 1958, Hoa Kỳ đã tài trợ cho Đại hội Giáo dục miền Nam. Nguồn viện trợ giáo dục của Hoa Kỳ, một phần tài trợ ngân sách giáo dục, cấp học bổng để người Việt Nam đi du học, phần lớn chi phí cho hoạt động nghiên cứu, ăn, ở của các cố vấn Hoa Kỳ và mua trang bị kỹ thuật giáo dục tại thị trường Hoa Kỳ.

Năm 1961, Hoa Kỳ đã cử những phái đoàn cố vấn đại học với danh nghĩa khảo sát tình hình để thực hiện một cách có hệ thống những chủ trương giáo dục kiểu mới, nhằm phục vụ đắc lực cho cuộc chiến tranh. Phái đoàn Đại học Nam Illinois phụ trách cải tổ giáo dục tiểu học. Phái đoàn Đại học Ohio giúp Bộ Quốc gia Giáo dục của chính quyền miền Nam phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trung học năm 1962. Năm 1964, Chính quyền Sài Gòn đã triệu tập Đại hội Giáo dục toàn quốc. Sau đó, phái đoàn Đại học Wisconsin đã được mời sang giúp Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn nghiên cứu kế hoạch cải tổ giáo dục nhằm phục vụ chiến tranh và chuẩn bị nhân lực cần thiết cho việc xây dựng hòa bình, củng cố bộ máy chính quyền. Ngoài ra, Hoa Kỳ và Chính quyền miền Nam xây dựng “*Dự án hệ thống giáo dục mới*” nhằm biến nền giáo dục miền Nam từ mô hình Pháp sang mô hình Mỹ. Thực hiện dự án dạy tiếng Anh,

viện trợ theo dự án (Project Aid) hay còn gọi là viện trợ chú ý đến giáo dục vào năm 1964 (Diệp Kim Liên, 1972, tr.146).

Từ năm 1962 đến năm 1966, viện trợ của Hoa Kỳ cho Việt Nam Cộng hòa chủ yếu nhằm ngăn chặn phong trào nổi dậy của lực lượng giải phóng miền Nam Việt Nam (United States Agency for International Development, 1975, D-2). Ngày 24/4/1963, Tổng thống Hoa Kỳ L. Johnson nói rõ mục tiêu viện trợ cho Chính phủ Nam Việt Nam “*để thắng trận là mục tiêu chủ yếu của chính sách Mỹ đối với Nam Việt Nam và tất cả những cố gắng của Hoa Kỳ sẽ tập trung vào mục đích đó*” (Bộ Ngoại Thương, 1969, tr.6). Năm 1966, Cơ quan Phụ trách Viện trợ của Hoa Kỳ (USOM) đổi tên thành Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), đã nêu nhiệm vụ của mình là “*Hoa Kỳ tăng cường viện trợ cho Chính quyền Việt Nam Cộng hòa để phục vụ tối đa cho các cuộc chiến tranh vũ trang và chính trị*” (United States Agency for International Development, 1975, p.2). Các chương trình viện trợ tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như quân sự, kinh tế, nhằm mục đích ngăn chặn sự ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản và giúp các quốc gia chống lại các cuộc tấn công của phe đối lập, tái thiết việc xây dựng chính quyền (United States Agency for International Development, 1975, p.24). Hệ thống các cố vấn, giảng viên, nhà nghiên cứu từ các trường đại học Hoa Kỳ trở thành lực lượng tiên phong trong tham gia cố vấn, từng bước định hình mô hình giáo dục cho Việt Nam Cộng hòa.

Trong giai đoạn 1965-1975, tình hình viện trợ của Hoa Kỳ cho Việt Nam ngày càng tăng lên theo mức độ leo thang chiến tranh tại Việt Nam. Lĩnh vực giáo dục cũng được chú ý hơn. Ngày 1/5/1970, Chính quyền Sài Gòn thành lập Hội đồng Văn hóa Giáo dục Việt Nam ở miền Nam, lập ra 50 đơn vị giáo dục và 6 học khu. Bộ Giáo dục tiếp nhận bộ phận giáo dục của cơ quan USAID, lập ra một số cơ quan mới như: Đoàn Phân tích Quản trị, Nha Suu tầm Nghiên cứu, Nha Chương trình Pháp chế (mỗi cơ quan có một cố vấn Hoa Kỳ); Đoàn Thanh tra Đặc biệt. Ngoài việc viện trợ và hỗ trợ cho giáo dục thông qua các kênh viện trợ trực tiếp thì với tư cách là đồng minh của Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng hòa lần lượt trở thành thành viên của các tổ chức quốc tế do Hoa Kỳ sáng lập và lãnh đạo<sup>1</sup> như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Châu Á, UNESCO, v.v...

Năm 1975, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa sụp đổ, Hoa Kỳ phải rút quân về nước, ban hành chính sách bao vây, cấm vận. Hoạt động chỉ viện và hỗ trợ giáo dục cho miền Nam Việt Nam cơ bản kết thúc.

## 2. Những bước chuyển trong hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Hoa Kỳ (1995-2016)

Sự kiện đặc biệt trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là việc Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton sang thăm Việt Nam vào năm 2000. Phát biểu tại Đại học Quốc gia Hà Nội, ông nói, ông thực hiện chuyến đi này với nhận thức rằng lịch sử của hai dân tộc gắn bó chặt chẽ với nhau theo

<sup>1</sup> Hầu hết các tổ chức quốc tế đều được điều hành bởi những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ. do Tổng thống Hoa Kỳ bổ nhiệm, như các chức vụ quan trọng: Giám đốc WB, Chủ tịch Quỹ IMF, Ngân hàng ADB

những cách thức là một nguồn gây ra đau thương cho các thế hệ đã qua và hứa hẹn cho các thế hệ tới (TTXVN, 2000, tr.2). Ông cùng với các cựu binh Hoa Kỳ từng tham chiến ở Việt Nam như Thượng nghị sĩ Kerry, Thượng nghị sĩ John Mac Cain và những cựu binh khác đệ trình lên Quốc hội Hoa Kỳ lập Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF)<sup>2</sup>. Hằng năm, Hoa Kỳ và Chính phủ Hoa Kỳ thúc đẩy hỗ trợ 100 học bổng cho sinh viên Việt Nam (TTXVN, 2000, tr.3). Tháng 12/2000, Đạo luật Quỹ Giáo dục Việt Nam (Đạo luật 106 của Hoa Kỳ - 554) được Quốc hội thông qua. Tổng số tiền mà Quỹ này có được là 145 triệu USD. Đây là số tiền Chính phủ Việt Nam phải trả nợ thay cho Chính quyền Sài Gòn về các khoản vay phi quân sự mà Chính phủ Hoa Kỳ đã cho Chính quyền Sài Gòn vay trong thời gian chiến tranh, để cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam sang học tập tại Hoa Kỳ. Hằng năm, VEF sẽ cấp 5 triệu USD cho sinh viên Việt Nam sang học tại Hoa Kỳ cho đến năm 2019. Đây chính là sự kiện đầu tiên của hai Nhà nước trong thiết lập quan hệ giáo dục đại học. Sự kiện này đã mở ra cơ hội hợp tác, phát triển giáo dục cho Việt Nam cũng như gắn kết mối quan hệ của hai nước trên một lĩnh vực mới.

Ngoài VEF, hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Hoa Kỳ còn diễn ra thông qua các tổ chức quốc tế khác. Vốn dĩ, trước đây, thành viên chính thức của các tổ chức này là Việt Nam Cộng hòa. Sau năm 1975, Việt Nam tiếp nối các vị trí thành viên. Cụ thể:

- *Quỹ IMF* (Tổ chức Tiền tệ Quốc tế<sup>3</sup>): Từ năm 1976, Việt Nam – với tư cách là một quốc gia toàn vẹn, thống nhất – chính thức tiếp nhận vị trí thành viên, với cổ phần khoảng 20 triệu USD (Bộ Giáo dục và Đào tạo - Vụ Quan hệ Quốc tế, 2002, tr.297). Đối với IMF, Việt Nam chủ yếu là vay vốn để thực hiện các dự án liên quan đến giáo dục. Hiện nay, IMF đã hỗ trợ cho Việt Nam nhiều dự án, vốn đầu tư cho giáo dục. Trong giai đoạn từ năm 1985 đến 10/1993, IMF đình chỉ quyền vay vốn của Việt Nam, mặc dù quan hệ giữa Việt Nam và IMF được duy trì thông qua đối thoại chính sách dưới hình thức đánh giá về kinh tế của IMF và các tổ chức tài chính quốc tế khác. Việt Nam nối lại quan hệ tài chính với IMF vào tháng 10/1993. Từ năm 1993-2004, IMF cung cấp cho Việt Nam khoản vay với tổng vốn cam kết 1.094 triệu USD và được giải chi hơn 880 triệu USD (review.siu.edu.vn, 2019). Từ tháng 4/2004 đến nay, IMF không còn chương trình cho Việt Nam vay vốn nhưng vẫn tiến hành nhiều hoạt động như tư vấn về chính sách và hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam hằng năm trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, thương mại, cải cách doanh nghiệp nhà nước, tiền tệ, ngoại hối, thanh tra ngân hàng, cải cách thuế... Ngoài ra, cán bộ ngân hàng nhà nước và các ngành liên quan được tham dự các khóa đào tạo, hội thảo ngắn hạn và được cấp học bổng dài hạn theo chương trình đào tạo do IMF tổ chức.

<sup>2</sup> Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF) là một tổ chức đặc biệt so với các tổ chức viện trợ quốc tế khác, bởi VEF trực tiếp báo cáo các hoạt động của mình cho Tổng thống Hoa Kỳ theo đạo luật Quỹ VEF năm 2000. Nhiệm vụ chính của VEF là thúc đẩy quá trình hàn gắn và xây dựng mối quan hệ song phương Hoa Kỳ - Việt Nam trên cơ sở phục vụ lợi ích của hai quốc gia, thông qua giáo dục đào tạo trong các ngành khoa học (Tự nhiên, Vật lý, Môi trường, Toán học, Y học và Công nghệ). VEF tập trung vào việc cấp học bổng và hỗ trợ tài chính cho các học giả Việt Nam, Hoa Kỳ.

<sup>3</sup> Quỹ Tiền tệ Quốc tế được thành lập ngày 27/12/1945 có trụ sở tại Washington (Hoa Kỳ). Hiện nay, IMF có tổng số hội viên là 187 nước. Các nước thành viên có cổ phần lớn nhất trong IMF hiện nay là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh và Pháp. Nhiệm vụ của tổ chức này là điều chỉnh quan hệ tiền tệ giữa các nước thành viên và cho các nước thâm hụt cán cân thanh toán vay ngắn hạn và trung hạn. Nguồn tài chính của Quỹ gồm có vốn của các nước do đóng góp và phần tích lũy của quỹ.

- *Tổ chức UNESCO* (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc<sup>4</sup>): Việt Nam gia nhập tổ chức này dưới thời kỳ của Chính quyền Bào Đại vào năm 1951 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2002, tr.324); sau đó, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa nối tiếp nhau duy trì sự có mặt tại UNESCO. Sau khi miền Nam được giải phóng (1975), Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố kế thừa tham gia UNESCO (tháng 3/1976). Sau khi đất nước thống nhất về mặt Nhà nước (ngày 12/7/1976), Bộ Ngoại giao Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã có công hàm cho UNESCO thông báo tham gia UNESCO (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2002, tr.324).

Năm 1977, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 251/TTG về việc thành lập Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam và đặt dưới sự chỉ đạo của Bộ Ngoại giao để đảm nhận các công việc liên quan đến việc tham gia vào tổ chức này. Đến nay, UNESCO đã hỗ trợ, viện trợ, góp phần định hướng phát triển giáo dục cho Việt Nam và giúp cho giáo dục Việt Nam hòa vào dòng chảy phát triển chung của giáo dục thế giới. Các hoạt động chính là thông qua tuyên ngôn giáo dục, các hội thảo, tọa đàm để các quốc gia trên thế giới có thể giao lưu, trao đổi, hợp tác cùng nhau phát triển về giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng, trong đó có Việt Nam. Ngoài ra, UNESCO còn giúp hỗ trợ tài chính thông qua quỹ của Chương trình Vịnh Ả rập (AGFUND) tài trợ cho Việt Nam số tiền 75.000 USD cho dự án "*Cải thiện tình hình giáo dục thường xuyên tại các cộng đồng Việt Nam thông qua công nghệ thông tin*" giai đoạn từ 6/2006-3/2008 (mofahcm.gov.vn, 2019). UNESCO đã giúp Việt Nam nghiên cứu đánh giá tổng quan thực trạng giáo dục của Việt Nam; góp phần thực hiện cải cách giáo dục nhằm thực hiện khẩu hiệu *giáo dục cho mọi người và học tập suốt đời*; tiến hành nghiên cứu và xây dựng chính sách giáo dục trong chiến lược giáo dục 2001-2010; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học và thực hiện Chương trình hành động quốc gia về Giáo dục cho Mọi người (EFA) trong giai đoạn 2003-2015; xây dựng chính sách, chiến lược và Chương trình hành động về Phát triển Khoa học Kỹ thuật những năm đầu của thế kỷ XXI.

Như vậy, với tư cách là tổ chức quốc tế về văn hóa giáo dục lớn nhất thế giới, UNESCO đã hỗ trợ cho Việt Nam trong việc nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng, bên cạnh các dự án, cầu nối với các tổ chức, tập đoàn quốc tế hỗ trợ tài chính cho giáo dục.

- *Ngân hàng Thế giới* (WB<sup>5</sup>): Trong những năm đầu tiên sau khi tham gia Nhóm Ngân hàng Thế giới, quan hệ Việt Nam và WB chủ yếu tập trung vào tìm hiểu lẫn nhau thông qua việc trao đổi các đoàn đại biểu giữa Việt Nam và Ngân hàng. Phái đoàn của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa

<sup>4</sup> Được thành lập ngày 14/1/1946, là một trong những cơ quan chuyên môn lớn nhất của Liên Hợp Quốc.

<sup>5</sup> Ngân hàng Thế giới có 5 tổ chức thành viên, bao gồm: Ngân hàng Quốc tế Tái thiết và Phát triển (IBRD), được chính thức thành lập ngày 27/12/1945, Hội Hỗ trợ Phát triển Quốc tế (IDA), thành lập năm 1960, Công ty Tài chính Quốc tế (IFC), thành lập năm 1956, Trung tâm Quốc tế Giải quyết Mâu thuẫn Đầu tư (ICSID), thành lập năm 1966; và Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa phương (MIGA), thành lập năm 1988. Thuật ngữ Ngân hàng Thế giới (WB) thường đề cập tới hai tổ chức thành viên của nhóm Ngân hàng Thế giới là Hiệp hội Hỗ trợ Phát triển Quốc tế và Ngân hàng Quốc tế Tái thiết và Phát triển. Ngân hàng Thế giới được thành lập năm 1944, có trụ sở đặt tại Washington D.C (Hoa Kỳ) với hơn 10.000 nhân viên hiện đang làm việc tại 100 văn phòng trên toàn thế giới. Đây không chỉ đơn thuần là ngân hàng theo nghĩa thông thường mà là định chế phát triển của thế giới với 187 nước hội viên có sự mang đầu tranh chống lại đói nghèo.

Việt Nam đầu tiên có tính chất lịch sử đã đến Washington làm việc với WB vào tháng 10/1976. Hai bên đồng ý tập trung bàn về những vấn đề tương lai của mối quan hệ Việt Nam và WB thay vì nhìn lại quá khứ. Chủ tịch Ngân hàng Thế giới lúc đó là McNamara (nguyên Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ) đã rất quan tâm hỗ trợ Việt Nam, mặc dù Quốc hội Mỹ chống lại việc cung cấp vốn vay ưu đãi từ IDA cho Việt Nam. Phái đoàn kinh tế đầu tiên của WB thăm Việt Nam vào năm 1977.

Sau 7 tháng, Ngân hàng công bố một báo cáo giới thiệu tình hình kinh tế Việt Nam, trong đó đã nêu lên những hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh liên tục, tình hình kinh tế tri tri, GDP bình quân đầu người rất thấp, khoảng hơn 100 USD, đã kéo dài tới 15 năm, tình trạng dân cư đói nghèo là phổ biến, nhất là ở các vùng nông thôn và miền núi. Dựa vào Kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 của Việt Nam, Báo cáo kinh tế Việt Nam của WB dự kiến cần khoảng 1 tỷ USD viện trợ trong năm 1977 để đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước. Quan hệ Việt Nam và WTO phát triển mạnh từ hợp tác thông thường giữa Ngân hàng với một nước thành viên thành quan hệ đối tác. Tính đến tháng 9/2011, WB đã cung cấp cho Việt Nam 13,8 tỷ USD để thực hiện 117 chương trình và dự án. Tổng số vốn đã giải ngân đạt khoảng 8 tỷ USD. Đối với lĩnh vực giáo dục, WB đã hỗ trợ phát triển giáo dục thông qua hoạt động cho vay vốn.

**Bảng 2.1. Giải ngân vốn vay của Ngân hàng Thế giới cho lĩnh vực giáo dục (1994 - 2010) (Đơn vị: triệu USD)**

STT	Tên dự án	Ngày ký	Số vốn ký vay	Giải ngân đến tháng 2/2010
1	Giáo dục tiểu học	1/11/93	70,00	67,13
2	Giáo dục đại học	8/9/98	83,30	96,22
3	Phát triển giáo viên tiểu học	2/4/02	19,84	14,48
4	Giáo dục tiểu học trẻ khó khăn	14/7/03	138,75	125,90
5	Ngân sách mục tiêu giáo dục	10/11/05	50,00	50,63
6	Giáo dục đại học II	22/11/07	61,59	20,74
7	Chương trình chính sách phát triển giáo dục đại học giai đoạn I	23/6/09	50,00	52,43
8	Chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học	23/7/09	127,00	0,00
	<b>Tổng</b>		<b>600,48</b>	<b>427,53</b>

Nguồn: World Bank, 2011, p.56

Năm 2017, tại Washington, Ban Giám đốc điều hành của Ngân hàng Thế giới đã phê duyệt khoản tín dụng 155 triệu đô la Mỹ để tăng cường năng lực nghiên cứu, giảng dạy và thể chế của ba trường đại học tự chủ, cải thiện quản lý hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam. Hơn 150.000 sinh viên và 3.900 cán bộ giảng dạy của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, và Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được hưởng lợi từ những khoản đầu tư trên. Khoảng 600.000 sinh viên và 27.000 giảng viên từ các cơ sở giáo dục đại học khác cũng sẽ được tiếp cận nguồn tài nguyên học tập nghiên cứu phong phú, thông qua Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á. Số 2 - 2020, tr.60-68

quyền truy cập vào thư viện điện tử dùng chung đặt tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội (worldbank.org, 2019).

Gần đây, trong chiến lược phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các chuyên gia giáo dục quốc tế (với sự hỗ trợ của WB) nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng Chiến lược tổng thể Phát triển giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 (moet.gov.vn, 2019). Trong đó, Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ “*đặt hàng*” WB ba nội dung hỗ trợ giáo dục đại học Việt Nam gồm xây dựng, hoàn thiện thể chế; nâng cao hiệu quả quản trị hệ thống (xây dựng chiến lược) và quản trị từng trường đại học (moet.gov.vn, 2019).

- *USAID* (Cơ quan phát triển quốc tế của Hoa Kỳ<sup>6</sup>): Việt Nam và Hoa Kỳ bắt đầu hợp tác từ năm 1989 khi USAID triển khai các chương trình hỗ trợ người khuyết tật Việt Nam thông qua Quỹ Nạn nhân Chiến tranh Patrick Leahy và Quỹ Trẻ Vô gia cư và Tric mô côli (DCOF). Đến nay, USAID triển khai các chương trình hỗ trợ toàn diện trên các lĩnh vực. Đối với giáo dục, năm 2013, khi Hoa Kỳ và Việt Nam nâng tầm quan hệ thành “*Quan hệ Đối tác Toàn diện*”, USAID trở thành tổ chức chính thức viện trợ cho Việt Nam trên các lĩnh vực như thương mại, kinh tế, hợp tác khoa học và công nghệ, hợp tác về môi trường và y tế, và các vấn đề di sản chiến tranh. Đồng thời, Việt Nam phê duyệt Chiến lược Hợp tác Phát triển Quốc gia của USAID tại Việt Nam giai đoạn 2014-2018.

Thông qua huy động ngân sách và sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân, các dự án của USAID trong lĩnh vực giáo dục đại học được công nhận là có tác động sâu rộng và hướng đến nhu cầu cần thiết. USAID đang hỗ trợ các nỗ lực hiện đại hóa hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam. Thông qua hợp tác với Chính phủ Việt Nam và khu vực tư nhân nhằm giúp một số trường đại học hàng đầu của Việt Nam cải tiến giáo trình và phương pháp giảng dạy, các trường này sẽ có vai trò là các hình mẫu cho một hệ thống giáo dục đại học thế kỷ XXI. Mục tiêu là giúp đào tạo đội ngũ sinh viên ra trường có tay nghề, đủ kỹ năng cần thiết để sẵn sàng làm việc và cạnh tranh trong môi trường toàn cầu hóa ngày càng cao. Các dự án hỗ trợ của USAID trong lĩnh vực giáo dục đại học đã có tác động tới trên 30.000 sinh viên và tập trung vào 3 lĩnh vực mà Chính phủ Việt Nam xác định là ưu tiên: 1. Công nghệ và kỹ thuật; 2. Y tế; và 3. Giáo dục khai phóng.

*Tổ chức Hòa Bình* (Peace Corps<sup>7</sup>): Peace Corps là một chương trình tình nguyện của chính phủ Mỹ, ra đời năm 1961, do cố Tổng thống Mỹ John F. Kennedy khởi xướng. Nhiệm vụ mà

<sup>6</sup> Từ khi thành lập đến nay, USAID đã tiến hành thúc đẩy sự phát triển ở các quốc gia có quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ và cần sự giúp đỡ từ phía Hoa Kỳ. Hiện nay, USAID có mối quan hệ với rất nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Những hoạt động của USAID ít được đề cập đến trong các giai đoạn đầu hợp tác giáo dục giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Hoạt động hợp tác và hỗ trợ các dự án chỉ bắt đầu vào những năm 2010.

<sup>7</sup> Một báo cáo của viện Brookings năm 2003 viết rằng Peace Corps được sinh ra trong thời Chiến tranh Lạnh, là một trong những công cụ nhỏ nhất trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Kể từ những năm 1960, hơn 220.000 người Mỹ đã tham gia Peace Corps, phục vụ tại 141 quốc gia. Các tình nguyện viên của tổ chức này sống tại các quốc gia chủ nhà trong vòng 27 tháng, và hoạt động trong các lĩnh vực như giáo dục, môi trường, y tế, nông nghiệp, thanh niên, phát triển cộng đồng. Những kinh nghiệm của họ có ý nghĩa hết sức quý giá. Chẳng hạn, vào thời kỳ đỉnh điểm của Chiến tranh Lạnh, hàng nghìn thanh niên Mỹ đã dành hai năm trong cuộc đời mình để phổ biến tiếng Anh ra khắp thế giới và hỗ trợ phát triển. Nhiều tình nguyện viên Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á. Số 2 - 2020, tr.60-68

Peace Corps đề ra bao gồm cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, giúp đỡ những người ngoài nước Mỹ hiểu về văn hóa Mỹ, và giúp người Mỹ hiểu được nền văn hóa của các quốc gia khác (Helena K. Finan, 2003, p.20). Peace Corps từng nhiều lần nỗ lực xin phép hoạt động tại Việt Nam. Năm 2012, Giám đốc Peace Corps khi đó là ông Aaron Williams, đã có chuyến thăm Việt Nam kéo dài ba ngày để tìm kiếm khả năng được phép tổ chức chương trình. Lần đầu tiên Tổ chức Hòa Bình (Peace Corps) tới Việt Nam và tình nguyện viên của Hoa Kỳ giúp các bạn trẻ học tiếng Anh. Peace Corps cũng có mặt ở các nước châu Á như Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Myanmar... Năm 2016, nhân chuyến thăm của Tổng thống B. Obama (tháng 5/2016), Chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ đã ký kết và đồng ý cho Peace Corps hoạt động chính thức ở Việt Nam.

Như vậy, từ sau khi Việt Nam trở thành thành viên của các tổ chức quốc tế, các tổ chức này đã trở thành đối tác của Việt Nam trên lĩnh vực giáo dục. Và chính những tổ chức quốc tế này cũng đang đóng vai trò của sức mạnh mềm trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ (J. Nye, 2004, p.8).

## Kết luận

Như vậy, việc tham gia vào các tổ chức quốc tế, mạng lưới và thành viên vốn được đào tạo dưới thời kỳ quan hệ Việt Nam Cộng hòa - Hoa Kỳ (1954 - 1975) đã mở ra con đường mới cho hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ. Hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Hoa Kỳ không chỉ diễn ra trực tiếp ở cấp Chính phủ mà còn được thực hiện qua hoạt động hợp tác gián tiếp, thông qua các tổ chức quốc tế, các nguồn viện trợ và các mối quan hệ với các cá nhân, tổ chức, trường học ở Hoa Kỳ và mạng lưới những nhà khoa học, học giả, nhà nghiên cứu tiến bộ học tập và làm việc tại Hoa Kỳ, góp phần thúc đẩy cho hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Hoa Kỳ phát triển.

Gần 25 năm, hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Hoa Kỳ gặt hái được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Đây cũng chính là thời cơ cho Việt Nam có thêm nguồn lực để thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục trong bối cảnh mới của thế giới. Vì vậy, tác giả bài viết cho rằng, cần phải đánh giá đúng về di sản của Việt Nam Cộng hòa trong mối quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam.

## Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Quan hệ quốc tế (2002), *Hướng dẫn về quan hệ quốc tế trong giáo dục và đào tạo*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <http://www.moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=5945>, ngày truy cập 25/8/2019.
3. Bộ Ngoại Thương (1969), *Tình hình kinh tế miền Nam Việt Nam*.
4. Diệp Kim Liên (1972), *Viện trợ Mỹ và phát triển nông nghiệp tại Việt Nam*, Luận văn tốt nghiệp Học viện Quốc gia Hành chính, Sài Gòn.
5. J. S. Nye (2004), *Soft power the means to success in world politics*, PublicAffairs, New York.

---

viên trong Tổ chức Hòa bình Mỹ mới trở lại đã đạt trình độ Tiên sĩ về ngôn ngữ như tiếng Iran, Ả-rập, Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Quốc. Nhiều người vươn tới những vị trí cao nhất trong cơ quan ngoại giao Hoa Kỳ.



6. Hoàng Nguyễn (2016), *Tổ chức Hòa bình Mỹ sắp cử đến Việt Nam*, <https://vnexpress.net/the-gioi/to-chuc-hoa-binh-my-sap-cu-den-viet-nam-3408327.html>, ngày truy cập 18/9/2019.
7. Nguyễn Minh Sơn (2009), *Mười thế kỷ giáo dục và đào tạo Việt Nam (1010 - 2010)*, Nxb. Giáo dục.
8. Nguyễn Quốc Khánh (1971), *Ngoại viên và phát triển kinh tế Việt Nam*, Luận văn tốt nghiệp ban Cao học kinh tế tài chính, Sài Gòn.
9. Ngân hàng Thế giới (2011), *Ngân hàng thế giới đồng hành và phát triển với Việt Nam*, <http://documents.worldbank.org/curated/en/597721468349785686/pdf/669280VIETNAME067859B0WBdonghanhTV2.pdf>, ngày truy cập 12/7/2019.
10. Ngân hàng Thế giới (2017), <http://www.worldbank.org/vi/news/press-release/20>, ngày truy cập 26/8/2019.
11. Phạm Thị Hồng Hà (2017), *Kinh tế Việt Nam Cộng hòa dưới tác động của Viên trợ Hoa Kỳ (1955-1975)*, Nxb. Công an Nhân dân.
12. Trần Đức Cường (2014), *Lịch sử Việt Nam 1954-1965*, tập 12, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Thông tấn xã Việt Nam (2000), "Bài phát biểu của Tổng thống Mỹ, William Jefferson Clinton tại trường Đại học Quốc gia Việt Nam Hà Nội ngày 17/11/2000", *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, số 280-TTX, ngày 2/12/2000.
14. Trần Nguyễn (2019), *Quy Tiền tệ Quốc tế (IMF)*, <http://review.siu.edu.vn/kinh-te/quy-tien-te-quoc-te-imf/247/1700>, ngày truy cập 14/5/2019
15. United States Agency for International Development (1975), *United states economic assistance to South Việt Nam, 1954- 1975*, Washington, D.C